

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC VÀ KHẢ NĂNG SẢN XUẤT CỦA NHÓM BÒ LAI HƯỚNG THỊT TẠI HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

Phạm Văn Quyến¹, Giang Vi Sal¹, Bùi Ngọc Hùng¹, Nguyễn Văn Tiến¹, Nguyễn Ngọc Hải¹, Trần Văn Phong², Huỳnh Văn Thảo³ và Trâm Thanh Hải³

¹Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Chăn nuôi Gia súc lớn - Phân viện Chăn nuôi Nam Bộ;

²UBND huyện Trà Cú, Trà Vinh; ³Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Trà Cú, Trà Vinh

Tác giả liên hệ: TS. Phạm Văn Quyến; Tel: 0913951554; Email: phamvanquyen.rrdc.iasvn@gmail.com

TÓM TẮT

Nghiên cứu được tiến hành tại các hộ nông dân và trang trại ở huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh từ tháng 11 năm 2015 đến tháng 11 năm 2017 để xác định khả năng sản xuất của một số nhóm bò lai hướng thịt. Đối tượng nghiên cứu là 75 bò lai sinh ra bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo giữa một số giống bò thịt Red Angus, Red Brahman và Droughtmaster với bò cái nền lai Sind, trong đó 15 bò lai Red Angus, 30 bò lai Red Brahman và 30 bò lai Droughtmaster. Bò lai F₁ hướng thịt nuôi dưỡng trong điều kiện chăn nuôi nông hộ, trang trại theo phương thức nuôi nhốt hoặc bán chăn thả, có bổ sung thêm thức ăn tại chuồng. Nhu cầu dinh dưỡng theo tiêu chuẩn của Ranihan 1997 và NRC 1989.

Kết quả cho thấy bò lai Red Angus, bò lai Droughtmaster và bò lai Red Brahman có khả năng sinh trưởng phát triển tốt trong điều kiện chăn nuôi và khí hậu tại Trà Cú, Trà Vinh thể hiện qua các đặc điểm: Các chỉ tiêu sinh lý đều nằm trong phạm vi sinh lý bình thường; tỷ lệ nhiễm ve, tỷ lệ mắc một số bệnh thường gặp và tỷ lệ loại thải thấp; tỷ lệ nuôi sống bê cao: Từ 92,86 đến 96,55% giai đoạn từ sơ sinh đến 12 tháng tuổi; tốc độ sinh trưởng cao hơn bò lai Sind và đạt khối lượng 254,63 kg đối với con lai Red Angus; 244,31 kg đối với con lai Droughtmaster và 197,29 đối với F₁ Red Brahman lúc 12 tháng tuổi. Tăng khối lượng bình quân giai đoạn sơ sinh đến 12 tháng tuổi đạt 640,54 gam/ngày đối với con lai Red Angus; 619,04 gam/ngày đối với con lai Droughtmaster và 492,02 gam/ngày đối với F₁ Red Brahman.

Từ khóa: Bò lai hướng thịt, sinh trưởng, khối lượng cơ thể, tỷ lệ sống.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trà Vinh nói chung và huyện Trà Cú nói riêng có điều kiện phát triển chăn nuôi bò thuận lợi: Chăn nuôi bò là một trong những nghề chăn nuôi truyền thống, nguồn sản phẩm và phụ phẩm nông nghiệp dồi dào. Tuy nhiên tiềm năng của địa phương cho sự phát triển đàn bò chưa được phát huy một cách tối đa. Sự phát triển của đàn bò còn hạn chế do thiếu đầu tư về khoa học kỹ thuật, con giống chưa được cải thiện nhiều, chăn nuôi bò còn mang tính tự cấp, tự túc với hình thức chăn nuôi quảng canh, tận dụng đồng bãi chăn thả, nên năng suất thấp, hiệu quả chưa cao.

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về lai tạo giống bò thịt, nhiều công thức với các giống bò thịt khác nhau, của nhiều tác giả, tuy nhiên các giống bò thịt Red Angus, Droughtmaster và Red Brahman chưa được nghiên cứu nhiều trong điều kiện chăn nuôi của tỉnh Trà Vinh. Đây là những giống bò thịt có nhiều triển vọng cần được nghiên cứu theo hướng lai tạo với bò cái lai Sind tạo con lai của các giống trên. Kết quả của đề tài sẽ làm cơ sở cho việc lai tạo bò thịt giữa bò lai Sind với một số giống bò thịt cao sản nhằm nâng cao năng suất và chất lượng bò thịt ở Trà Vinh. Mục tiêu của đề tài là xác định khả năng sản xuất của con lai F₁ Red Angus, F₁ Droughtmaster và F₁ Brahman giai đoạn từ sơ sinh đến 12 tháng tuổi trong điều kiện chăn nuôi tại huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Vật liệu nghiên cứu

75 bò lai F₁ sinh ra bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo giữa một số giống bò thịt Red Angus, Red Brahman và Droughtmaster với bò cái nền lai Sind, trong đó 15 bò F₁ Red Angus, 30 bò F₁ Red Brahman và 30 F₁ Droughtmaster.

Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Thí nghiệm được tiến hành tại các nông hộ, trang trại huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Thời gian thí nghiệm từ tháng 11 năm 2015 đến tháng 11 năm 2017.

Nội dung nghiên cứu

Đánh giá đặc điểm sinh học;

Đánh giá đặc điểm ngoại hình và kích thước các chiều đo;

Đánh giá khả năng sinh trưởng;

Đánh giá hiệu quả kinh tế.

Phương pháp nghiên cứu

Điều kiện thí nghiệm

Bò lai F₁ được nuôi theo phương thức nuôi nhốt hoặc bán chăn thả, có bổ sung thêm thức ăn tại chuồng.

Thức ăn bổ sung tại chuồng cho bò bao gồm thức ăn thô chủ yếu là cỏ tự nhiên, cỏ trồng và các loại phụ phẩm nông nghiệp có sẵn tại địa phương như rơm, ngọn mía, thân cây bắp, dây đậu phộng. Thức ăn tinh: Cám hỗn hợp, cám gạo. Nước sạch cho uống tự do.

Tiêu chuẩn ăn của bò lai F₁ ở các giai đoạn tuổi theo tiêu chuẩn của Ranijhan (1997) và NRC (1989), trích dẫn bởi Đinh Văn Cải (2007). Bò lai F₁ được cai sữa lúc 5 tháng tuổi, được tiêm phòng vắc-xin mỗi năm 2 lần vào tháng 4 và tháng 10, các loại vắc-xin như tụ huyết trùng, lở mồm long móng. Phun ve định kỳ một tháng/lần bằng dung dịch TAKTIC.

Bố trí thí nghiệm

75 bò lai F₁ sinh ra từ đàn cái nền lai Sind, gồm 15 bò F₁ Red Angus, 30 bò F₁ Red Brahman và 30 bò F₁ Droughtmaster. Số cá thể theo dõi (n) đối với mỗi nhóm giống qua từng giai đoạn tuổi chi tiết ở Bảng 1.

Chỉ tiêu và phương pháp theo dõi

Lập sổ theo dõi cá thể cho từng bò lai F₁. Đối với các nông hộ, trang trại, chủ trì đề tài và cán bộ kỹ thuật của Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Chăn nuôi Gia súc lớn, kết hợp với cán bộ kỹ thuật địa phương, các chủ hộ, chủ trang trại để cân đo, thu thập số liệu.

Đặc điểm ngoại hình của các nhóm bò lai F₁: Quan sát và ghi chép.

Một số chiều đo cơ bản của các nhóm bò lai F₁: Các chiều đo: Cao vây, vòng ngực, dài thân chéo qua các tháng tuổi: Sơ sinh, 3, 6, 9 và 12 tháng. Đo các chiều đo bằng thước gậy và thước dây.

Chiều đo cao vai: Sử dụng thước gậy (cm) đo khoảng cách từ mặt đất đến sau u vai.

Chiều đo vòng ngực: Sử dụng thước dây (cm) đo chu vi quanh ngực, tiếp giáp với phía sau xương bả vai.

Chiều đo dài thân chéo: Sử dụng thước gậy (cm) đo khoảng cách từ chỗ lồi phía trước của xương bả vai cánh tay đến mấu sau của xương u ngồi.

Khối lượng bò lai F₁ sơ sinh và qua các tháng tuổi: 3, 6, 9 và 12 tháng: Cân khối lượng bò vào buổi sáng trước khi cho ăn bằng cân điện tử Rud Weight-200 của Úc có độ chính xác 99,5%.

Chỉ tiêu sinh lý cơ thể: Đo các chỉ tiêu thân nhiệt, nhịp thở, nhịp tim 1 tháng 1 lần vào lúc 12 - 13 giờ vào một ngày nhất định hàng tháng.

Thân nhiệt: Đo thân nhiệt tại trực tràng bằng nhiệt kế y học trong 3-5 phút.

Nhịp thở: Xác định nhịp thở qua quan sát bằng mắt thường thông qua hoạt động lên xuống của lồng ngực thí nghiệm với đồng hồ bấm giây.

Nhịp tim: Đo nhịp tim bằng cách dùng tay bắt mạch ở khấu đuôi thí nghiệm với đồng hồ bấm giây.

Sinh lý máu: Lấy mẫu máu 3 con của mỗi nhóm giống trong mỗi điều kiện chăn nuôi vào lúc 7 giờ sáng. Mỗi mẫu máu phân tích 2 lần lấy kết quả trung bình. Tổng số mẫu: 3 con/nhóm giống x 3 nhóm giống x 2 điều kiện chăn nuôi x 2 lần = 36 mẫu. Phân tích tại Trung tâm Công nghệ Sinh học Chăn nuôi bằng máy MINDRAY BC-2800 VET với các chỉ tiêu:

WBC (White Blood Cell): Bạch cầu

RBC (Red Blood Cell): Hồng cầu

HGC (Hemoglobin Concentration): Hàm lượng hemoglobin

HCT (Hematocrit): Hematocrit

Khả năng kháng ve: Theo dõi mức độ nhiễm ve: Bắt và đếm số ve trên 1/2 cơ thể bò (Madalena, 1985).

Các bệnh thường gặp và tỷ lệ loại thải: Ghi chép các trường hợp bệnh tật và loại thải.

Tỷ lệ nuôi sống bò lai qua các mốc tuổi: Tỷ lệ phần trăm giữa số bò còn sống đến từng giai đoạn tuổi so với số bò sinh ra. Theo dõi và ghi chép.

Hiệu quả kinh tế của các nhóm bò lai: Chi phí thức ăn, nuôi dưỡng và thu nhập khi bán bê lúc 12 tháng tuổi. Theo dõi và ghi chép.

Xử lý số liệu

Số liệu thí nghiệm được xử lý bằng phương pháp thống kê sinh vật học trên máy vi tính bằng phần mềm Minitab 16 for Windows. So sánh các giá trị trung bình bằng phương pháp ANOVA, sử dụng trắc nghiệm Tukey.

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Đặc điểm ngoại hình và khả năng sinh trưởng của nhóm bê lai

Đặc điểm ngoại hình của các nhóm bê lai

Bê lai F₁ Red Angus

Bê lai F₁ Red Angus có màu đen, đỏ, màu lông cạp, bê không có sừng, có thân hình cục mịch tròn ú, chân ngắn, bắp thịt rất phát triển, mắt trắng hồng, viền móng, mắt và mũi màu hồng.

Bê lai F₁ Droughtmaster

Bê lai F₁ Droughtmaster có u vai nhỏ, cổ dài, tai vừa phải, yếm và rốn phát triển. Lông màu vàng đậm hoặc màu cánh gián, viền mắt và mũi có màu lang hồng, một số con viền mắt và mũi màu đen.

Bê lai F₁ Red Brahman

Bê lai F₁ Red Brahman có u vai, cổ dài, tai to và cụp xuống, ngực sâu, lưng phẳng, chân dài, có một mảng yếm lớn dưới cổ. Lông màu đỏ nâu hoặc màu cánh gián, một số con có đốm trắng nhỏ phía dưới cổ và yếm. Mũi và móng màu đen.

Kích thước một số chiều đo của các nhóm bê lai F₁

Diễn biến các chiều đo: Cao vai, vòng ngực và dài thân chéo của các nhóm bê lai từ sơ sinh đến 12 tháng có khác nhau nhưng tốc độ tăng kích thước có phần giống nhau. Chiều đo cao vai và dài thân chéo tăng nhanh trong giai đoạn sơ sinh đến tháng 6 tháng tuổi sau đó tăng chậm từ 7 đến 12 tháng tuổi. Chiều đo vòng ngực tốc độ tăng nhanh vào sơ sinh đến tháng 6 tháng tuổi và giảm hơn vào 10 đến 12 tháng tuổi. Tầm vóc của bê lai F₁ Red Angus, F₁ Droughtmaster cao hơn so với bê F₁ Red Brahman trong suốt giai đoạn từ sơ sinh đến 12 tháng tuổi.

Chiều đo cao vai

Ở 12 tháng tuổi, chiều đo cao vai của nhóm bê lai F₁ Red Angus, F₁ Droughtmaster và F₁ Red Brahman lần lượt là: 117,31 cm; 116,12 cm và 108,15 cm.

Chiều đo vòng ngực

Ở 12 tháng tuổi, chiều đo vòng ngực của các nhóm bê lai F₁ Red Angus, F₁ Droughtmaster và F₁ Red Brahman lần lượt là: 147,10 cm; 145,16 cm và 136,83 cm.

Chiều đo dài thân chéo

Ở 12 tháng tuổi, chiều đo dài thân chéo của các nhóm bê lai F₁ Red Angus, F₁ Droughtmaster và F₁ Red Brahman lần lượt là: 124,02 cm; 121,81 cm và 110,91 cm.

Khả năng tăng khối lượng của bê lai

Khối lượng bê lai nuôi theo từng công thức lai được trình bày qua Bảng 1.

Bảng 1. Khối lượng bê lai trung bình đực và cái qua các tháng tuổi (kg)

Tháng tuổi	F ₁ Red Angus		F ₁ Red Brahman		F ₁ Droughtmaster	
	n	Mean ± SE	n	Mean ± SE	n	Mean ± SE
Sơ sinh	14	24,04 ^a ± 0,48	29	20,16 ^b ± 0,54	29	21,46 ^b ± 0,54
3	14	83,20 ^a ± 0,79	29	77,82 ^b ± 1,45	29	82,11 ^a ± 0,67
6	13	144,01 ^a ± 1,12	29	117,32 ^b ± 0,98	28	140,14 ^a ± 0,91
9	13	206,96 ^a ± 1,49	28	160,73 ^b ± 1,14	28	193,18 ^a ± 1,13
12	13	254,63 ^a ± 1,80	28	197,29 ^b ± 1,28	28	244,31 ^a ± 1,26

Chú thích: Các số trung bình trong cùng một hàng mang các chữ cái khác nhau thì khác nhau có ý nghĩa thống kê ở mức P < 0,05.

Qua phân tích so sánh khối lượng bê lai trung bình đực và cái qua các tháng tuổi giữa các nhóm chúng tôi thấy:

Khối lượng sơ sinh của nhóm bê F₁ Red Angus cao nhất: 24,04 kg; kế đến bê F₁ Droughtmaster: 21,46 kg và thấp nhất là bê F₁ Red Brahman: 20,16 kg. Có sự sai khác có ý nghĩa thống kê (P<0,05) giữa nhóm bê F₁ Red Angus với 2 nhóm bê F₁ Droughtmaster và F₁

Red Brahman. Giữa 2 nhóm bê F₁ Droughtmaster và F₁ Red Brahman không có sự sai khác có ý nghĩa thống kê (P>0,05).

Khối lượng ở 3, 6, 9 và 12 tháng tuổi của 2 nhóm bê F₁ Red Angus và F₁ Droughtmaster cao hơn và có sự sai khác có ý nghĩa so với nhóm bê: F₁ Red Brahman (P<0,05). Giữa 2 nhóm bê F₁ Red Angus và F₁ Droughtmaster sự sai khác không có ý nghĩa thống kê (P>0,05), ngoại trừ khối lượng sơ sinh. Ở 12 tháng tuổi, khối lượng của nhóm bê F₁ Red Angus cao nhất và đạt 254,63 kg; kế đến F₁ Droughtmaster 244,31 kg; thấp nhất là bê F₁ Red Brahman: 197,29 kg.

Theo kết quả của Nguyễn Quốc Trung và cs. (2014) nghiên cứu tại huyện Ba Tri tỉnh Bến Tre, khối lượng sơ sinh của bê lai F₁ Red Angus là 30,96 - 31,23 kg; khối lượng sơ sinh bê lai F₁ Red Brahman là 23,46 kg. Kết quả này cao hơn kết quả nghiên cứu của chúng tôi về khối lượng sơ sinh đối với bê lai F₁ Red Angus và bê lai F₁ Red Brahman.

Theo kết quả nghiên cứu của Phí Như Liễu và cs. (2017) tại tỉnh An Giang, khối lượng lúc 12 tháng tuổi của bò lai F₁ Red Angus là 222,0 kg và bò lai F₁ Red Brahman là 219,2 kg. Theo Văn Tiến Dũng (2012) bò F₁ Red Angus và lai Sind nuôi tại Đăk Lăk có khối lượng lúc 12 tháng tuổi lần lượt là 188,6 và 138,6 kg. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi về khối lượng lúc 12 tháng tuổi của bò lai F₁ Red Angus cao hơn kết quả nghiên cứu của các tác giả trên, theo chúng tôi là do sự khác nhau về chế độ nuôi dưỡng, đàn cái nên lai Sind chọn đê phối giống tạo con lai F₁ và khu vực nghiên cứu khác nhau.

Tăng khối lượng hàng ngày trung bình đực và cái của các nhóm bê lai trong giai đoạn từ sơ sinh đến 12 tháng từ 492,02 đến 640,54 gam/con/ngày. Tăng khối lượng cao nhất là nhóm bê F₁ Red Angus, kế đến nhóm bê F₁ Droughtmaster và thấp nhất là bê F₁ Red Brahman.

Tăng khối lượng trung bình trong suốt giai đoạn từ sơ sinh đến 12 tháng tuổi của bê đực lớn hơn bê cái là 1,05 lần đối với cả ba nhóm bê.

Theo kết quả nghiên cứu của Phí Như Liễu và cs. (2017) tại tỉnh An Giang, mức tăng khối lượng gam/con/ngày giai đoạn sơ sinh đến 6 tháng tuổi của bò lai F₁ Red Angus là 622,6 gam; bò lai F₁ Red Brahman là 628,6 gam và bò lai Sind là 509,5 gam. Tăng khối lượng hàng ngày giai đoạn 7 đến 12 tháng tuổi của bò lai F₁ Red Angus, bò lai F₁ Red Brahman và bò lai Sind lần lượt là 445,9 gam; 430,9 gam và 324,8 gam.

Tỷ lệ nuôi sống bê lai F₁ qua các tháng tuổi

Kết quả về tỷ lệ nuôi sống bê trên từng nhóm bê lai cho thấy: Tỷ lệ nuôi sống bê lai từ sơ sinh đến 3 tháng tuổi biến động giữa các nhóm từ 92,86 đến 96,55%. Tỷ lệ nuôi sống của các nhóm trong giai đoạn từ sơ sinh đến 12 tháng tuổi đạt 95,83%. Đây là tỷ lệ nuôi sống khá cao so với một số nơi khác nuôi bê lai ngoại.

Ở Nông trường Sơn Thành, Phú Yên, tỷ lệ bê lai ngoại chết 28 - 34%, ở các hộ dân tại Bình Định là 6,2 - 6,8% (Vũ Văn Nội, 1994; Vũ Văn Nội và cs., 1995). Tỷ lệ nuôi sống bê lai tại nông trường Lâm Hà, Lâm Đồng là 86,2% (Lê Xuân Cương và cs., 2001). Theo kết quả nghiên cứu của Nguyễn Văn Vinh và cs. (2000) tại Bình Định, tỷ lệ nuôi sống bê lai Red Brahman và lai Sind đạt 98,80%.

Một số chỉ tiêu sinh lý và nhiễm bệnh thường gặp của nhóm bò lai

Một số chỉ tiêu sinh lý của bò lai F₁

Về chỉ tiêu sinh lý cơ thể

Tại thời điểm 12 - 13 giờ trưa khi nhiệt độ môi trường 30 - 33°C và ẩm độ 64 - 70%, bò lai F₁ Red Angus có nhịp thở bình quân 36,87 lần/phút, F₁ Droughtmaster có nhịp thở 33,99 lần/phút và

bò F₁ Red Brahman là 34,06 lần/phút. Thân nhiệt bình quân bò F₁ Red Angus là 38,40°C, F₁ Droughtmaster 38,57°C và bò F₁ Red Brahman 38,41°C.

Nhịp tim bình quân bò F₁ Red Angus là 56,68; F₁ Droughtmaster 55,05 và bò F₁ Red Brahman 52,52 lần/phút. Nhìn chung các chỉ tiêu sinh lý của các nhóm bò lai nằm trong ngưỡng bình thường. Số liệu này chứng tỏ bò F₁ Red Angus, F₁ Droughtmaster và F₁ Red Brahman không bị ảnh hưởng bởi stress nhiệt trong môi trường nóng và ẩm phía Nam. Kết quả này cũng tương đương kết quả nghiên cứu của Đoàn Đức Vũ (2008); Nguyễn Quang Mai và Cù Xuân Dân (1998) về một số chỉ tiêu sinh lý của bò ở phía Nam. Theo các tác giả này thì bò có thân nhiệt từ 38,1 đến 39,5°C.

Về chỉ tiêu sinh lý máu

Qua khảo sát một số chỉ tiêu sinh lý máu như số lượng hồng cầu, bạch cầu, hàm lượng Hemoglobin và Hematocrit của bò F₁ Red Angus, F₁ Droughtmaster và F₁ Red Brahman, kết quả cho thấy các thành phần máu của bò F₁ Red Angus, F₁ Droughtmaster và F₁ Red Brahman đều nằm trong phạm vi sinh lý bình thường. Bò lai F₁ có hồng cầu trung bình qua các giai đoạn sơ sinh đến 12 tháng tuổi từ 7,32 đến 7,37 triệu/mm³; hemoglobin từ 115,12 đến 115,47 g/dl; hematocrit từ 32,52 đến 32,95%; bạch cầu từ 11,05 đến 11,48 ngàn/mm³.

Tỷ lệ nhiễm ve

Qua theo dõi tỷ lệ nhiễm ve trên cơ thể bò chúng tôi thấy: Tỷ lệ nhiễm ve giữa các nhóm bê lai giai đoạn sơ sinh đến 12 tháng tuổi dao động trong khoảng từ 21,05% đến 27,59%. Tỷ lệ nhiễm cao nhất là nhóm bê F₁ Red Angus: 27,593%, kế đến nhóm bê F₁ Droughtmaster: 25,66% và thấp nhất là nhóm F₁ Red Brahman 21,05%. Số ve bình quân trên một bê bị nhiễm nhóm F₁ Red Angus, F₁ Droughtmaster và F₁ Red Brahman lần lượt là: 14,68; 11,74 và 10,64 ve/bê.

Theo Đinh Văn Cải và cs. (2001) trong điều kiện chăn nuôi nông hộ, bò không được vệ sinh tắm chải thường xuyên, không sử dụng thuốc diệt ve, bê lai F₁ Charolais có tỷ lệ nhiễm ve cao: 90,9%. Theo Vũ Văn Nội và cs. (1995) trong điều kiện chăn nuôi quảng canh tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên, bò không được phun thuốc diệt ve định kỳ, tất cả số bò, bê được kiểm tra đều nhiễm ve (100%).

Theo giai đoạn tuổi nhìn chung trong tất cả các nhóm bê lai tỷ lệ nhiễm ve giai đoạn bê lớn (7 - 12 tháng tuổi) tỷ lệ nhiễm cao hơn so với giai đoạn nhỏ (sơ sinh - 6 tháng tuổi) vì trong điều kiện chăn nuôi bán chăn thả những bê lớn được chăn thả hoặc cầm cột trên đồng cỏ có các cây bụi.

Hiệu quả kinh tế của các nhóm bò lai

Qua theo dõi chi phí thức ăn, nuôi dưỡng và thu nhập khi bán bê lúc 12 tháng tuổi chúng tôi thu được kết quả về hiệu quả kinh tế của các nhóm bò lai như sau: Giá thành sản xuất một kg bò hơi ở của các nhóm bò lai dao động trong khoảng 37,86 đến 41,44 ngàn đồng, thấp nhất là nhóm bò F₁ Red Angus, kế đến F₁ Droughtmaster và F₁ Red Brahman. Giá thành sản xuất một kg bò hơi của nhóm bò F₁ Red Angus và nhóm F₁ Droughtmaster bằng 91,69% so với nhóm bò F₁ Red Brahman.

Với giá bán bò giống 89,67 ngàn đồng, giá bò thịt 56,30 ngàn đồng/kg hơi, tỷ lệ bán giống và bán thịt là 1:1 thì sau 12 tháng nuôi, người chăn nuôi lãi 6.223 ngàn đồng đối với bò F₁ Red Brahman, 8.438 ngàn đồng đối với bò F₁ Droughtmaster và 8.943 ngàn đồng đối với bò F₁ Red Angus. Tỷ lệ lãi của nhóm bò F₁ Red Angus bằng 143,64%, nhóm F₁ Droughtmaster bằng 136,23% so với nhóm bò F₁ Red Brahman.

KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

Kết luận

Bò lai F₁ Red Angus, F₁ Droughtmaster và F₁ Red Brahman có khả năng sinh trưởng phát triển tốt trong điều kiện chăn nuôi và khí hậu tại Trà Cú, Trà Vinh thể hiện qua các đặc điểm:

Các chỉ tiêu sinh lý đều nằm trong phạm vi sinh lý bình thường.

Tỷ lệ nhiễm ve, tỷ lệ mắc bệnh và tỷ lệ loại thải thấp.

Tỷ lệ nuôi sống bê cao: Từ 92,86 đến 96,55% giai đoạn từ sơ sinh đến 12 tháng tuổi.

Tốc độ sinh trưởng cao hơn bò lai Sind và đạt khối lượng 254,63 kg đối với F₁ Red Angus; 244,31 kg đối với F₁ Droughtmaster và 197,29 đối với F₁ Red Brahman lúc 12 tháng tuổi. Tăng khối lượng bình quân giai đoạn sơ sinh đến 12 tháng tuổi đạt 640,54 gam/ngày đối với F₁ Red Angus; 619,04 gam/ngày đối với F₁ Droughtmaster và 492,02 gam/ngày đối với F₁ Red Brahman.

Đề nghị

Tiếp tục nghiên cứu khả năng tăng khối lượng của các nhóm bò lai F₁ đến giai đoạn 24 tháng tuổi; khả năng sinh sản của bò cái lai F₁ và vỗ béo bò đực lai F₁ xác định năng suất, chất lượng thịt và hiệu quả vỗ béo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

- Đình Văn Cái, Nguyễn Ngọc Tấn, Vương Ngọc Long, Trương Văn Tuấn và Nguyễn Tấn Tài. 2001. Theo dõi khả năng sinh trưởng, phát triển của bê lai Charolais, Abondance, Tarentaise với bò lai Sind. Báo cáo khoa học chăn nuôi thú y 1999 - 2000, TP Hồ Chí Minh 10 - 12/4/2001, tr. 229- 235.
- Đình Văn Cái. 2007. Nuôi bò thịt: Kỹ thuật - Kinh nghiệm - Hiệu quả. Nhà Xuất bản Nông nghiệp, TP Hồ Chí Minh.
- Lê Xuân Cương. 2001. Báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu xác định giống bò lai hướng thịt và quy trình công nghệ nuôi bò thịt chất lượng cao ở vùng Lâm Hà, Lâm Đồng. TP Hồ Chí Minh.
- Văn Tiến Dũng. 2012. Khả năng sinh trưởng, sản xuất thịt của bò Lai Sind và các con lai ½ Drought master, ½ Red Angus, ½ Limousin nuôi tại huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk. Luận án Tiến sĩ.
- Phí Như Liễu, Nguyễn Văn Tiến và Hoàng Thị Ngân. 2017. Kết quả lai tạo và nuôi dưỡng bê lai hướng thịt tại An Giang. Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi, Số 76, tháng 6/2017, tr. 91-99.
- Nguyễn Quang Mai và Cù Xuân Dần. 1998. Sinh lý học vật nuôi. Nhà xuất bản giáo dục.
- Vũ Văn Nội. 1994. Nghiên cứu khả năng sản xuất thịt của đàn bò Lai Sind, đàn bò lai kinh tế hướng thịt trên nền bò lai Sind ở một số tỉnh miền Trung. Luận án Tiến sĩ, Hà Nội.
- Vũ Văn Nội, Vũ Chí Cương, Phạm Kim Cương và Nguyễn Quốc Đạt. 1995. Nuôi bê lai hướng thịt với thức ăn bổ sung là nguồn phụ phẩm nông nghiệp tại miền Trung. Nuôi bò thịt và những kết quả nghiên cứu bước đầu ở Việt Nam. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
- Nguyễn Quốc Trung. 2014. So sánh con lai F1 giữa các giống bò Brahman, Red Angus, lai Sind trên đàn bò nền địa phương và xây dựng mô hình chăn nuôi bò thịt chất lượng cao tại huyện Ba Tri. Báo cáo đề tài KHCN tỉnh Bến Tre, 2014.
- Nguyễn Văn Vinh, Đoàn Trọng Tuấn, Hoàng Văn Trường và Đoàn Thị Diệu Hiền. 2000. Kết quả bước đầu lai kinh tế bò thịt giữa bò Brahman và bò lai Sind. Tạp chí công nghệ khoa học và quản lý kinh tế, 2000 (11), Hà Nội.

Đoàn Đức Vũ. 2008. Đặc điểm ngoại hình, sinh trưởng, các chỉ tiêu sinh lý, sinh hóa máu của bò lai hướng thịt (25% và 75%) Charolais, Simmental nuôi tại khu vực Tp. Hồ Chí Minh. Báo cáo khoa học Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Miền Nam, TP. Hồ Chí Minh.

Tiếng nước ngoài

Madalena, F.E., Teodoro, R.L., Lemos, A.L. and Oliveira, G.P. 1985. Causes of variation of field burdens of cattle ticks (*B. microplus*). *Revista Brasileira de Genetica* 8, pp. 361-375.

ABSTRACT

Productivity of some crossbred beef cattle in Tra Cu district, Tra Vinh province

The study was conducted at farmer households and farms in Tra Cu district, Tra Vinh province from November 2015 to November 2017 to determine the productivity of some groups of beef crossbred cattle. Total of 75 F₁ crosses produced by artificial insemination using frozen semen of Red Angus, Red Brahman and Droughtmaster bulls with Sind hybrid cows, of which 15 F₁ Red Angus, 30 F₁ Red Brahman and 30 F₁ Droughtmaster. The condition of livestock production in farmer households and farms in captivity or semi-grazing, additional feed was provided in the stalls. Nutritional requirement was balanced by Ranijhan 1997 and NRC 1989.

The results showed that F₁ Red Angus, F₁ Droughtmaster and F₁ Red Brahman crosses were able to grow well in the feeding and climatic conditions in Tra Cu, Tra Vinh. Specifically, physiological parameters were within normal physiological range; proportions of tick infection, routine morbidity and culling were low; survival rate was high of calves (From 92.86 to 96.55% from birth to 12 months); The growth rate was higher than that of Sindhi crossbred and reached the weight of 254.63 kg for F₁ Red Angus; 244.31 kg for F₁ Droughtmaster and 197.29 for F₁ Red Brahman at 12 months old. Average daily gains from birth to 12 months of age were 640.54 gram/day for F₁ Red Angus; 619.04 gram/day for F₁ Droughtmaster and 492.02 gram/day for F₁ Red Brahman.

Keywords: *Crossbred beef cattle, growth, body weight, gain weight, survival rate.*

Ngày nhận bài: 25/10/2019

Ngày phân biện đánh giá: 02/11/2019

Ngày chấp nhận đăng: 16/01/2020

Người phân biện: TS. Phạm Văn Giới